

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 16/4/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu; Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Chi H, xã Tân C, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Dương Đắc B, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Chi Tr, xã Tân C, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử chị Hoàng Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh B năm 1982 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân C, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống sau khi kết hôn của chị với anh B không có hạnh phúc. Suốt mấy chục năm vợ chồng chung sống anh B không yêu thương, tôn trọng chị. Vợ chồng luôn mâu thuẫn, cãi vã. Anh B luôn quản thúc kinh tế, không quan tâm chăm sóc khi chị ốm đau thậm chí có thời gian đánh, đuổi chị ra khỏi nhà khiến chị không nơi nương tựa phải đi ở nhờ người thân. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và đã thực sự trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Dương Đắc Dũng sinh năm 1986 và Dương Đắc Dương sinh năm 1988;

Hiện tại các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị trình bày trong khối tài sản chung của vợ chồng có:

Tiền đền bù ruộng xứ đồng bãi là 22.042.900đ Tiền đền bù ruộng bị thu hồi làm trạm thu phí 02 lần (một lần là 21.335.400đ; một lần là 43.197.000đ); Tổng cộng các khoản đền bù là 86.575.300đ;

Tiền cho thuê nhà năm 2017 là 18.000.000đ/tháng x 12tháng = 216.000.000đ

Tiền thuê nhà 06 tháng năm 2018 là 16.000.000đ /tháng chị không yêu cầu giải quyết.

Đến nay, chị không yêu cầu phân chia đối với tiền đền bù ruộng đất, tiền thuê nhà 06 tháng năm 2018. Chị chỉ yêu cầu phân chia tiền vợ chồng cho thuê nhà năm 2017. Đây là tài sản chung của vợ chồng vì nhà, đất của vợ chồng chị các con không có sự đóng góp gì.

Khoản tiền thuê nhà năm 2017 hiện tại anh B đang giữ thì anh B chỉ được hưởng $\frac{1}{2}$ và phải trả cho chị $\frac{1}{2}$ là 108.000.000đ tuy nhiên do số tiền này anh B chi phí vào một phần tiền sửa nhà (nhà số 07 vườn hoa 2 phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh nhà hiện đang cho thuê và anh B là người thu tiền) cụ thể làm cửa cuốn hết 15.000.000đ; mua tủ lạnh 10.000.000đ; làm trần thạch cao 20.000.000đ tổng cộng tiền sửa chữa là 45.000.000đ (số tiền này chị tự nguyện trừ vào tiền thuê nhà năm 2017 cụ thể 216.000.000đ – 45.000.000đ = 171.000.000đ như vậy số tiền 171.000.000đ chị và anh B mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là 85.500.000đ (chị chỉ yêu cầu anh B trả chị 82.000.000đ)

Ngoài ra chị không yêu cầu tòa án phân chia tài sản hay giải quyết vấn đề gì khác;

Phía anh Dương Đắc B trình bày: Anh xác định việc chị L trình bày về thời gian hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng là đúng. Về quá trình vợ chồng chung sống anh trình bày: Thời gian vợ chồng chung sống đến tháng 4 năm 2015 thì L thân. Nguyên nhân do trước khi L thân vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp. Vợ chồng L thân chị L sống ở đâu anh không biết, chị L thỉnh thoảng có về thăm con, cháu. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc chị L làm đơn xin L hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Hiện tại các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung: Anh nhất trí với phần trình bày của chị L về tiền đền bù đất ruộng và tiền cho thuê nhà;

Tuy nhiên đối với yêu cầu phân chia tiền cho thuê nhà năm 2017 của chị L thì anh không nhất trí chia vì toàn bộ các số tiền này anh đã chi tiêu một phần vào tiền sửa chữa ngôi nhà như chị L khai tuy nhiên số tiền sửa chữa tổng cộng là 150.000.000đ gồm mua tủ lạnh, làm cửa cuốn, đồ trần, làm trần thạch cao phía dưới cùng đèn trang trí trần; làm lan can inox; cửa sừng bằng inox, mua điều hòa, bếp ga mới; đồ trần và lát nền phía sau nhà; số tiền còn lại anh chi phí hết cho bản thân và gia đình (thăm giỗ, cưới xin, ma chay anh không nhớ chi tiết; mẹ anh hiện tại 85 tuổi mù lòa phải chạy chữa, anh cũng phải có trách nhiệm chăm lo cho mẹ một phần vì gia đình anh có tất cả 3 anh em trai, anh trưởng đã mất chỉ còn anh và một anh trai ngoài ra các chị gái không tính (06 chị em gái mất một còn 5) anh chỉ

biết hiện giờ anh còn đang nợ riêng của bản thân, anh không còn tiền nên không thể chia tiền cho chị L; Tất cả các khoản chi đó là thực tế nhưng nếu bảo anh phải có chứng cứ chứng minh thì anh không thể có để nộp cho tòa án được vì không ai ghi chi tiết chi tiêu lại làm gì. Anh xác định anh không có chứng cứ gì nộp cho tòa án. Ngoài ra anh cũng không yêu cầu phân chia gì về tài sản nào khác.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe bị đơn trình bày chị L đề nghị Hội đồng xét xử cho chị thay đổi rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; Chị xác định đến nay chị chỉ yêu cầu giải quyết L hôn các con đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết; tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết nữa, sau này khi nào có nhu cầu chị sẽ khởi kiện sau nên chị không yêu cầu HĐXX giải quyết tiếp vấn đề này nữa;

Phía anh B nhất trí với việc chị L rút yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng và chỉ yêu cầu giải quyết về tình cảm vợ chồng thôi vì các con đã trưởng thành nên anh cũng không yêu cầu giải quyết. Anh xác định anh nhất trí việc chị L đề nghị giải quyết L hôn với anh. Ngoài ra không có yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 55 luật Hôn nhân và gia đình; Công nhận sự thuận tình L hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Dương Đắc B;

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đề cập giải quyết;

Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Hoàng Thị L và anh Dương Đắc B kết hôn với nhau năm 1982 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 4/2015 thì L thân. Nguyên nhân L thân do thời gian trước khi L thân vợ chồng luôn mâu thuẫn, cãi vã. Quá trình vợ chồng sống L thân chị L và anh B không ai quan tâm, hỏi han gì đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thực sự đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L làm đơn xin L hôn và anh B cũng có lời khai nhất trí L hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin được L hôn của chị L, công nhận sự thuận tình L hôn giữa chị L và anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Dương Đắc Dũng sinh năm 1986 và Dương Đắc Dương sinh năm 1988; Hiện tại các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung: Chị L rút yêu cầu phân chia tài sản chung; anh B nhất trí việc rút yêu cầu của chị L và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề cập xem xét giải quyết;

Ngoài ra các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí L hôn;

Chị L rút yêu cầu phân chia tài sản nên không phải chịu án phí về phân chia tài sản; Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 260, 264 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình L hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Dương Đắc B;

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đề cập giải quyết;

Tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí L hôn sơ thẩm; Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0000634 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;

Hoàn trả chị L số tiền 3.150.000đ tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0000633 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã Tân Chi.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng

